

CHƯƠNG 7 : SƠ KẾT CHƯƠNG TRÌNH SƠ CẤP PPLST

7.1. Các nguyên nhân thành công về kinh tế ở thế kỷ 19 và 20

- Con người vốn có nhu cầu tồn tại và phát triển. Để thỏa mãn các nhu cầu này, con người gặp hoặc đề ra các bài toán cần giải. Tuy nhu cầu có nhiều loại, nhưng do đặc điểm của kinh tế thị trường: nhiều sản phẩm, dịch vụ có thể mua được bằng tiền, xuất hiện nhu cầu tương đối vạn năng: nhu cầu có nhiều tiền (trở nên giàu, thành công về kinh tế).
- Các nghiên cứu phát triển kinh tế ở thế kỷ 19 và 20 cho thấy: một cá nhân, công ty hoặc quốc gia trở nên giàu nhờ một hoặc kết hợp vài trong số bốn nguyên nhân sau:
 1. Có tài nguyên thiên nhiên nhiều hơn những người xung quanh.
 2. Sinh ra đã giàu, có vốn tính theo đầu người lớn hơn những người xung quanh.
 3. Có công nghệ tiên tiến hơn những người xung quanh.
 4. Có nguồn nhân lực tốt hơn những người xung quanh.

7.2. Nguyên nhân thành công về kinh tế ở thế kỷ 21

- Các tiến bộ lớn mà nhân loại đạt được:
 1. Con người có nhiều quyền tự do – dân chủ hơn trước.
 2. Cách mạng khoa học – công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
 3. Kinh tế thị trường có khuynh hướng toàn cầu hóa.
- Các tiến bộ này làm cho ba nguyên nhân đầu càng ngày càng giảm bớt vai trò ở thế kỷ 21. Do vậy, nguyên nhân thành công về kinh tế ở thế kỷ 21 là: có nguồn nhân lực tốt hơn những người xung quanh.
- Có thể có hai cách làm giàu ở thế kỷ 21:
 1. Trả lương rẻ cho nguồn nhân lực. Cách làm này có nhiều hạn chế, bị giới hạn bởi mức lương trần không vượt qua được và quan trọng hơn, không phù hợp với các mục tiêu phát triển con người.
 2. Phát triển nguồn nhân lực: bồi dưỡng các kỹ năng của lực lượng lao động để tiếp thu, sử dụng tốt các nguồn vốn, tài nguyên thiên nhiên, công nghệ tiên tiến và làm tăng các giá trị thặng dư bằng con đường sáng tạo và đổi mới.
- Các tiến bộ nói ở trên đồng thời cũng tạo ra các thách thức với các hệ quả kèm theo.

7.3. Các thách thức

1. Các nhu cầu của con người cần thỏa mãn tăng.
2. Tốc độ thay đổi tăng.
3. Quy mô (không gian) thay đổi tăng.
4. Tính phức tạp tăng.
5. Tính đa dạng tăng.
6. Tính cạnh tranh tăng.
7. Các tài nguyên thiên nhiên không tái tạo được, ngày càng cạn kiệt.

7.4. Các hệ quả của các thách thức

1. Số lượng các bài toán trên một đơn vị không – thời gian tăng.
2. Xuất hiện các loại bài toán mới.
3. Thời gian cho phép giải bài toán rút ngắn lại.
4. Mức độ khó của bài toán cần giải tăng.
5. Các biện pháp cưỡng chế người giải phải giải bài toán càng ngày càng ít thích hợp.
6. Trả giá và chi phí giải bài toán ngày càng lớn.
7. Cách phát triển theo kiểu dùng số lượng bù cho chất lượng không còn thích hợp.
8. Công nghệ thông tin bộc lộ các hạn chế.
9. Người giải bài toán càng ngày càng khó tiếp thu, xử lý khối lượng thông tin ngày càng lớn, phức tạp và đa dạng để có thể ra các quyết định đúng, kịp thời.
10. Làm trầm trọng thêm các nghịch lý liên quan đến tư duy.

Các nghịch lý:

Rất quan trọng	→←	Không chú ý xứng đáng
Trong (22)	→←	Ngoài (289)
Thô sơ	→←	Hiện đại
Chậm	→←	Nhanh
Mò mẫm	→←	Điều khiển
Rẻ	→←	Đắt
Thông minh	→←	Ít có kết quả sáng tạo
Không nhìn thấy	→←	Nhìn thấy
Học ít, dùng nhiều	→←	Học nhiều, dùng ít

11. Giáo dục và đào tạo theo kiểu truyền thống không còn thích hợp.
12. Phương pháp thử và sai cùng các biến thể của chúng dùng để giải quyết vấn đề và ra quyết định càng bộc lộ rõ các nhược điểm.

7.5. Các yêu cầu đặt ra và các việc cần làm để đối phó với các thách thức

1. Mỗi người phải có ý thức tự giải các bài toán của mình, không làm nảy sinh các bài toán chủ quan và góp phần giải các bài toán của gia đình, cộng đồng và nhân loại.
2. Tăng năng suất và hiệu quả giải bài toán của mỗi người.
3. Cần phương pháp luận giải bài toán theo nghĩa rộng chứ không phải theo nghĩa bài toán chuyên môn, lĩnh vực hẹp.
4. Con người cần biết cách điều khiển các nhu cầu của chính mình.
5. Cần dự báo, phát hiện bài toán từ trước để có thể giải bài toán kịp thời.
6. Cần tạo môi trường pháp lý, đạo đức dư luận xã hội, và các biện pháp khuyến khích thích hợp để cá nhân đưa ra các quyết định phù hợp với việc thỏa mãn các nhu cầu của xã hội, do vậy, thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của cá nhân.
7. Chú ý các khoa học nghiên cứu con người nói chung và sáng tạo của con người nói riêng.
8. Chú ý các khoa học nghiên cứu các quy luật phát triển.
9. Cải cách giáo dục đào tạo.

7.6. Các kỹ năng mới của tương lai

Các kỹ năng cơ bản thường được hiểu là đọc, viết và làm các phép tính số học. Trong tương lai, những người tìm việc cần phải có những kỹ năng làm việc mới để có thể thích hợp với những công việc ngày mai.

Gần đây, Hiệp hội đào tạo và phát triển Hoa Kỳ, một tổ chức chuyên nghiệp của các nhà đào tạo của các công ty, đã nghiên cứu cho Bộ lao động Hoa Kỳ "những kỹ năng cơ bản" mới. Dưới đây là danh sách các kỹ năng cơ bản đó:

Tư duy sáng tạo:	Khi công việc ngày càng trở nên linh động hơn thì các giải pháp của người lao động cũng cần phải sáng tạo hơn.
Xác định mục tiêu / Hành động	Người lao động cần phải xác định được mục tiêu cần đạt và kiên trì để đạt mục tiêu đó.

Các kỹ năng quan hệ giữa người và người	Có khả năng làm việc ăn ý với nhà cung cấp, đồng nghiệp và khách hàng sẽ là yêu cầu thiết yếu cho các công việc trong tương lai.
Khả năng lãnh đạo	Người lao động ngày càng được yêu cầu nhận lãnh nhiều trách nhiệm hơn và hướng dẫn các đồng nghiệp của mình khi cần thiết.
Học cách học	Người lao động cần biết cách học để có được các thông tin và kỹ năng mới, và biết áp dụng chúng vào công việc của mình.
Biết lắng nghe	Biết lắng nghe sẽ giúp cho người lao động hiểu được những bận tâm của đồng nghiệp, những nhà cung cấp và khách hàng.
Thương thuyết	Người lao động cần có khả năng xây dựng sự thỏa thuận thông qua việc cho và nhận.
Kỹ năng giao tiếp bằng lời nói	Người lao động phải có khả năng trả lời một cách rõ ràng những bận tâm của đồng nghiệp, nhà cung cấp và khách hàng.
Tính hiệu quả của tổ chức	Nhân viên phải hiểu rõ cách thức đáp ứng các mục đích của công ty và họ cần phải làm việc như thế nào để góp phần đạt được những mục đích đó.
Kỹ năng phát triển nghề nghiệp/nhân cách	Những nhân viên đáng quý nhất là những người hiểu được rằng họ cần phải luôn luôn phát triển trong công việc của họ.
Giải quyết vấn đề	Các tổ chức lao động mới sẽ luôn đòi hỏi tất cả nhân viên giải quyết vấn đề và tìm kiếm lời giải.
Tự trọng	Các cán bộ quản lý công ty nói rằng họ muốn có những người lao động tự hào về chính bản thân và các khả năng của mình.
Làm việc đồng đội	Làm việc một cách hợp tác có nghĩa: người lao động phải biết phân chia công việc một cách công bằng, hiệu quả và cùng làm việc với nhau để đạt được mục đích chung của cả nhóm.